TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 02 - 2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đương

2. Ông Nguyễn Bỉnh Khiêm

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/02/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu dân cư số 2, ấp Ph, xã Đ, huyện M, tỉnh Quãng Ngãi.

Tạm trú: số 1201, tỉnh lộ 10, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Thảo: Ông Đặng Văn Ch, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp V, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- ***Bị đơn***: Anh Trần Văn X, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Gi, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Phạm Thị Thu Th vắng mặt. Theo đơn khởi kiện, cũng như quá trình giải quyết vụ án chị Th trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2008 chị Th và anh Trần Văn X quen biết, tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C,

tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, cải vả những việc trong gia đình, mâu thuẫn không hòa thuận được nên đã ly thân từ đầu năm 2014 đến nay. Từ lúc sống riêng không bên nào tạo điều kiện hàn gắn lại, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn X.

- Về con chung tên: Trần Phạm Mỹ D, sinh ngày 26/7/2008, Trần Phạm Minh H, sinh ngày 01/9/2012. Quá trình giải quyết chị Th đồng ý giao anh X nuôi các con, theo nguyện vọng của con, chị Th không tranh chấp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết chị Th thỏa thuận cấp dưỡng nuôi hai người con tên Trần Phạm Mỹ D, Trần Phạm Minh H, cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng một người con, một tháng 1.500.000đ, cấp dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Th không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên phía anh X cho rằng vợ chồng có chung 14 cây vàng, loại vàng miếng SJC do chị Th đang quản lý, anh X yêu cầu chia cho anh 05 cây vàng loại SJC. Chị Th không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của anh X.

- Về nợ chung: Chị Th không tranh chấp không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có tranh chấp khác.

Ông Đặng Văn Ch đại diện theo uỷ quyền của chị Th trình bày ý kiến về con chung, tài sản, nợ chung như sau:

- Về con chung: Chị Th thống nhất giao hai người con chung tên Trần Phạm Mỹ D, Trần Phạm Minh H cho anh X nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con, chị Th không tranh chấp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th thống nhất thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng một người con, một tháng 1.500.000đ, đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh X cho rằng anh và chị Th có chung 14 cây vàng, loại vàng miếng SJC do chị Th đang quản lý, anh Xuân yêu cầu chị Th chia cho anh 05 cây vàng SJC. Chị Th cho rằng chị không quản lý 14 cây vàng SJC như anh X trình bày mà chị Th chỉ quản lý 06 cây vàng loại SJC, phía anh X thừa nhận quản lý 08 cây vàng loại SJC và 06 chỉ vàng 24kr, loại dây chuyền.

Nhận thấy quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh X chỉ trình bày yêu cầu chia tài sản nhưng không có đơn yêu cầu phản tố cụ thể, không chứng minh được việc chị Th quản lý số vàng như anh X nêu và phía nguyên đơn không nhận được thông báo thụ lý về việc chia tài sản của anh X đối với chị Th, chị Th không tranh chấp chia tài sản chung này nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu chia tài sản của anh X.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn Trần Văn X có lời khai trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Th tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về cách ứng xử, về thu chi tiền trong gia đình, anh X nhiều lần khuyên nhưng tính tình chị Th không

thay đổi nên mâu thuẫn giữa anh và chị không hòa thuận được, vì vậy anh X về nhà mẹ ruột sống từ năm 2014 đến nay. Sau khi sống riêng anh X luôn tạo điều kiện để hàn gắn lại nhưng chị Th bỏ mặc không quan tâm lo gia đình, do đó anh X đồng ý ly hôn với chị Th. Quá trình giải quyết tại phiên hòa giải ngày 08/12/2022 anh X thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn, lý do anh yêu cầu chị Th thừa nhận có quản lý tài sản chung gồm 14 cây vàng SJC, anh không yêu cầu hàn gắn hôn nhân.

Tại phiên tòa anh X xác định hôn nhân giữa anh và chị Th không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung tên: Trần Phạm Mỹ D, sinh ngày 26/7/2008, Trần Phạm Minh H, sinh ngày 01/9/2012, anh X đồng ý tiếp tục nuôi các con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh X đồng ý việc chị Th thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, một tháng một người con là 1.500.000đ, cấp dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung gồm: Anh X cho rằng chị Th đang quản lý 14 cây vàng, loại vàng miếng SJC nên anh X yêu cầu Th giao cho anh được hưởng 05 cây vàng SJC. Tại phiên tòa anh X xác định đây là yêu cầu riêng với chị Th yêu cầu chị Th thừa nhận có quản lý 14 cây vàng SJC và yêu cầu giao cho anh 05 cây vàng để anh lo cho các con.

Về thủ tục tranh chấp chia tài sản chung đã được Tòa án giải thích phải nộp đơn yêu cầu giải quyết, nộp tạm ứng án phí theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ, anh X đã hiểu rõ nhưng anh xác định không thực hiện thủ tục này, anh chỉ yêu cầu Tòa án xem xét vì anh không có chứng cứ nên không nộp tạm ứng án phí theo quy định.

- Về nợ chung: Anh X không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có tranh chấp khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Th.

+ Về hôn nhân cho chị Th được ly hôn với anh X.

+ Về con chung Trần Phạm Mỹ D, sinh ngày 26/7/2008, Trần Phạm Minh H, sinh ngày 01/9/2012 đề nghị giao anh X được quyền nuôi dưỡng;

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Th cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng một người con, một tháng 1.500.000đ, cấp dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Anh X có đặt ra yêu cầu chia tài sản chung gồm 14 cây vàng SJC đối với chị Th nhưng anh X không thực hiện thủ tục nộp tạm ứng án phí để đảm bảo việc yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét, giải quyết. Về việc chia tài sản chung anh X được quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

+ Về nợ chung các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị buộc chị Th phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thu Th tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Trần Văn X; địa chỉ ấp Gi, xã V, huyện C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Phạm Thị Thu Th và anh Trần Văn X chung sống với nhau có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị Th và anh X là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Th và anh X bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tin tưởng nhau, không hàn gắn được nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh X. Anh X thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau dẫn đến cải vả và sống riêng, không hòa thuận được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nhưng anh không đồng ý ly hôn, lý do chị Th quản lý tài sản chung nhưng không thừa nhận. Tại phiên tòa anh X xác định hôn nhân giữa anh và chị Th không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét trình bày mâu thuẫn về hôn nhân giữa các bên là có thật, đến nay các bên không tạo điều kiện để hàn gắn; tại phiên hòa giải ngày 08/12/2022 anh X không đồng ý ly hôn với chị Th lý do không thống nhất về tài sản chung chứ anh X không yêu cầu hàn gắn hôn nhân với chị Th; tại phiên tòa anh X xác định hôn nhân giữa anh và chị Th không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị Th và anh X ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Giữa chị Th và anh X có hai người con tên Trần Phạm Mỹ D, sinh ngày 26/7/2008, Trần Phạm Minh H, sinh ngày 01/9/2012. Các con có nguyện vọng sống chung với cha; chị Th thỏa thuận giao con chung cho anh X được quyền nuôi dưỡng, phía anh X đồng ý tiếp tục nuôi các con.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xem xét giao các con tên Trần Phạm Mỹ D và Trần Phạm Minh H cho anh X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con theo nguyện vọng và phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th và anh X thỏa thuận được về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình buộc chị T cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận, mức cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng/con (hai người con 3.000.000đ/tháng), cấp dưỡng hàng tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng:

+ Quá trình giải quyết nguyên đơn Phạm Thị Thu Th, cũng như người đại diện theo ủy quyền của chị Th xác định không đặt ra tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung.

+ Quá trình giải quyết anh X cho rằng chị Th quản lý 14 cây vàng loại vàng miếng SJC, yêu cầu chị Th thừa nhận và chia cho anh được hưởng 05 cây vàng SJC. Đồng thời anh thừa nhận quản lý 08 cây vàng loại SJC và 06 chỉ vàng 24kr loại dây chuyền. Việc chị Th thừa nhận chỉ quản lý 06 cây vàng SJC anh không đồng ý, yêu cầu xem xét giải quyết, đồng thời anh X xác nhận đã biết rõ thủ tục nộp đơn yêu cầu, nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung theo quy định nhưng anh không thực hiện thủ tục này.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Phạm Thị Thu Th không tranh chấp chia tài sản chung, bị đơn anh Trần Văn X có yêu cầu chia tài sản chung nhưng anh không nộp đơn yêu cầu giải quyết, không thực hiện thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên không có cơ sở xem xét yêu cầu chia tài sản chung của anh với chị Th như anh trình bày.

Anh X có quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác về tranh chấp chia tài sản khi có yêu cầu.

[6] Về số nợ phải thu, phải trả: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị Th và anh X không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Phạm Thị Thu Th phải nộp tiền án phí hôn nhân và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Thu Th.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu Th ly hôn với anh Trần Văn X.

- Về con chung: Giao anh Trần Văn X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Phạm Mỹ D, sinh ngày 26/7/2008, Trần Phạm Minh H, sinh ngày 01/9/2012.

Chị Phạm Thị Thu Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Phạm Thị Thu Th cấp dưỡng nuôi con tên Trần Phạm Mỹ D, sinh ngày 26/7/2008, Trần Phạm Minh H, sinh ngày 01/9/2012, mức cấp dưỡng một người con, một tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng hàng tháng và thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Trần Văn X yêu cầu xem xét chia tài sản chung gồm 14 cây vàng SJC đối với chị Phạm Thị Thu Th nhưng anh X không thực hiện thủ tục tố tụng theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về số nợ nợ phải thu, phải trả: Quá trình giải quyết vụ án chị Thảo và anh X không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Thu Th nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0012523 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Th đã nộp đủ.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Phạm Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa